|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  14/11/2024 | Ngày dạy | Ngày | 22/11/2024 | | | | 23/11/2024 | | | | 25/11/2024 | | | |
| Tiết | 2,5 | | 3,4 | | 1,3 | 2 | | 4 | 2 | | 4 | |
| Lớp | 7B | | 7A | | 7C | 7E | | 7D | 7B | | 7C | |
| Ngày | 26/11/2024 | | | | 27/11/2024 | | | | 28/11/2024 | | | |
| Tiết | 3 | 4 | | 5 | 1,2 | | 4,5 | | 3 | 4 | | 5 |
| Lớp | 7D | 7A | | 7C | 7D | | 7E | | 7B | 7E | | 7A |
| Ngày | 29/11/2024 | | | | 30/11/2024 | | | |  | | | |
| Tiết | 2 | | 3 | | 1 | 2 | | 4 |  |  | |  |
| Lớp | 7B | | 7A | | 7C | 7E | | 7D |  |  | |  |

**Tuần 11- Tiết 42,43,44**

**Tuần 12- Tiết 45,46**

**Bài 8. Đồ thị quãng đường – thời gian**

Môn học: KHTN - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 05 tiết (42-46)

**I. Mục tiêu  
1. Kiến thức**

- Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng.

- Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay thời gian chuyển động của vật).

- Dựa vào tranh ảnh (hoặc học liệu điện tử) thảo luận để nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực chung**

*- Năng lực tự chủ và tự học:* Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa; tích cực tham gia các hoạt động.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Thảo luận nhóm để tìm ra các bước vẽ đồ thị quãng đường – thời gian, hợp tác trong làm việc nhóm theo sự phân công của giáo viên.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được cách biểu diễn quãng đường đi được của một vật chuyển động thẳng đều theo thời gian. Từ đồ thị quãng đường – thời gian, đề xuất được cách tìm tốc độ chuyển động.

**2.2. Năng lực đặc thù**

-Năng lực nhận biết KHTN: Đọc được đồ thị quãng đường – thời gian.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho vật chuyển động thẳng. Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước tìm được quãng đường vật đi, tốc độ hoặc thời gian chuyển động.

- Dựa vào tranh ảnh (hoặc học liệu điện tử) thảo luận để nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.

**3. Phẩm chất**

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về đồ thị quãng đường – thời gian.

- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.

- Tự tin đề xuất cách giải quyết vấn đề.

**\* Mục tiêu dành cho HS hoà nhập:**

1. Kiến thức: Quan sát, tham gia hoạt động cùng các bạn theo khả năng.

2. Năng lực: Giao tiếp, hoạt động cùng các bạn.

3. Phẩm chất: Có ý thức, chăm chỉ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên**

- Hình ảnh về đồ thị quãng đường – thời gian.

- Phiếu học tập KWL và Phiếu học tập Bài 8: đồ thị quãng đường – thời gian (đính kèm phụ lục).

**2. Học sinh**

Ôn lại bài cũ và đọc trước bài mới ở nhà.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là vẽ và sử dụng được đồ thị quãng đường – thời gian cho vật chuyển động thẳng.

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**b. Nội dung:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên phiếu học tập KWL để kiểm tra kiến thức nền của học sinh về mô tả chuyển động của vật.

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh trên phiếu học tập KWL, có thể để mô tả chuyển động của một vật, như chuyển động của một người đi xe đạp trong bảng số liệu ta có thể tính quãng đường đã đi, vẽ hình đánh dấu, hoặc gắn thiết bị định vị GPS….

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** | **Dự kiến SP cho HS khuyết tật** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  GV phát phiếu học tập KWL và yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân điền thông tin vào cột K và W trên phiếu trong 2 phút.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV. Hoàn thành phiếu học tập.  *- Giáo viên:* Theo dõi và bổ sung khi cần.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, mỗi HS trình bày 1 nội dung trong phiếu, những HS trình bày sau không trùng nội dung với HS trình bày trước.  - GV liệt kê đáp án của HS trên bảng.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung.*  *- Giáo viên nhận xét và giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:* Để mô tả chuyển động của vật một cách đơn giản và trực quan nhất chúng ta vào bài học hôm nay.  *- Giáo viên nêu mục tiêu bài học.*  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.* | **BÀI 8. ĐỒ THỊ QUÃNG ĐƯỜNG – THỜI GIAN** | \* HS khuyết tật hoạt động cùng các bạn |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về đồ thị quãng đường – thời gian**

**a. Mục tiêu:** Từ bảng số liệu mô tả chuyển động thẳng của một vật với tốc độ không đổi HS vẽ được đường biểu diễn sự thay đổi của quãng đường theo thời gian.

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**b. Nội dung**

1. Quan sát bảng số liệu của một người đi xe đạp và cho biết quãng đường đi được của người đó sau mỗi giờ là bao nhiêu km?

2. GV giới thiệu bước 1 của vẽ đồ thị quãng đường – thời gian, hướng dẫn HS vẽ điểm xác định quãng đường ở thời điểm 1h, sau đó yêu cầu HS vẽ các điểm xác định quãng đường ở thời điểm 2h, 3h, 4h, 5h.

c.Sản phẩm

1. Sau những khoảng thời gian là 1 giờ, 2 giờ, 3 giờ, người đi xe đạp đi được các quãng đường tương ứng là 15 kilomet, 30 kilomet, 45 kilomet. Sau đó quãng đường không đổi, người này dừng lại.

2. Vẽ được đồ thị theo yêu cầu.

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** | **Dự kiến SP cho HS khuyết tật** | |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  GV giới thiệu bước 1 của vẽ đồ thị quãng đường – thời gian, hướng dẫn HS vẽ điểm xác định quãng đường ở thời điểm 1h, sau đó yêu cầu HS vẽ các điểm xác định quãng đường ở thời điểm 2h, 3h,4h, 5h. Từ đó, yêu cầu HS nêu đầy đủ các bước vẽ đồ thị.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thảo luận cặp đôi, thống nhất các bước vẽ đồ thị và ghi chép nội dung hoạt động ra giấy.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV gọi ngẫu nhiên 1 nhóm trình bày các bước vẽ đồ thị các nhóm còn lại theo dõi và nhận xét bổ sung (nếu có).  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *-* Học sinh nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét và chốt nội dung về vẽ đồ thị quãng đường – thời gian.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.* | **I. Đồ thị quãng đường – thời gian**  B1: Vẽ 2 tia Os và Ot vuông góc với nhau tại O, gọi là 2 trục tọa độ.  - Trục thẳng đứng (trục tung) Os được dùng để biểu diễn độ lớn của các quãng đường đi được theo một tỉ xích thích hợp.  - Trục nằm ngang (trục hoành) Ot biểu diễn thời gian theo một tỉ xích thích hợp.  B2: Xác định các điểm biểu diễn quãng đường đi được với thời gian tương ứng.  - Điểm O là điểm khởi hành khi đó s = 0 và t = 0.  - Đánh dấu các điểm xác định quãng đường tương ứng với thời gian  B3: Nối điểm O với các điểm đã đánh dấu ta được đường biểu diễn quãng đường theo thời gian của người đi xe đạp và được gọi là đồ thị quãng đường – thời gian (hình 8.1).    => Ta cũng có thể biểu diễn chuyển động thẳng của vật khác bằng đồ thị quãng đường – thời gian. | | \* HS khuyết tật hoạt động cùng các bạn |

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về cách sử dụng đồ thị quãng đường – thời gian**

**a.Mục tiêu:** Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay thời gian chuyển động của vật).

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**b. Nội dung**

- NV1: Hoạt động nhóm đôi, quan sát hình 8.2 kết hợp đọc sách giáo khoa cho biết

+ Sau 2s, vật đi được quãng đường bằng bao nhiêu?

+ Nêu cách xác định trên đồ thị?

- NV2: Hoạt động nhóm, hoàn thành các câu hỏi trong sgk.

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** | **Dự kiến SP cho HS khuyết tật** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  *-* NV1: GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi, quan sát hình 8.2 kết hợp đọc thông tin trong SGK, thảo luận và trả lời 2 câu hỏi sau:  + Sau 2s, vật đi được quãng đường bằng bao nhiêu?  + Nêu cách xác định trên đồ thị?  - NV2: GV chia lớp làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 – 7 HS, mỗi nhóm có 1 nhóm trưởng và 1 thư ký (tự chọn), phát bảng cho mỗi nhóm. GV phân công nhiệm vụ cho mỗi nhóm.  + Nhóm 1, 3, 5: Thảo luận, thực hiện hoàn thành bài tập luyện tập 1 và câu hỏi 1 (SGK trang 51) vào bảng nhóm.  + Nhóm 2, 4, 6: Thảo luận, thực hiện hoàn thành bài tập vận dụng 1 (SGK trang 51) vào bảng nhóm.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS hoạt động nhóm đôi, nhóm theo yêu cầu của GV.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần).  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - NV1: GV yêu cầu đại diện 2 nhóm trình bày, các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - NV2: GV yêu cầu các nhóm trưng bày sản phẩm nhóm, mời đại diện 2 nhóm (mỗi nhiệm vụ 1 nhóm), các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có)  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá, nhấn mạnh những phần HS còn mắc lỗi (lỗi trình bày,…); khen thưởng những nhóm hoạt động nhóm tốt, sản phẩm thu được chính xác.  - GV chuẩn hóa kiến thức về cách sử dụng đồ thị - quãng đường thời gian, cho HS ghi bài (bao gồm cả bài luyện tập và vận dụng trong SGK).  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.* | **II. Tìm quãng đường từ đồ thị quãng đường – thời gian**  - Đồ thị quãng đường – thời gian được sử dụng để mô tả chuyển động, xác định quãng đường đi được, thời gian đi, tốc độ chuyển động của vật ở những thời điểm xác định.  Luyện tập 1.  Vẽ đồ thị  Câu hỏi 1.  Vật đứng yên vì sau 3s vật chuyển động được 9m, sau 6s vật vẫn chuyển động được 9m. (Vì đường biểu diễn BC là đoạn thẳng nằm ngang).  Vận dụng 1  - Quãng đường vật đi được trong 5s đầu tiên là 30m.  - Quãng đường vật đi được trên đoạn OA là OA = 30m.  - Thời gian vật đi được đoạn OA là tOA = 5s.  - Tốc độ vật đi được trên đoạn OA là vOA = OA : tOA = 30 : 5  = 6 (m/s)  - Quãng đường vật đi được trên đoạn BC là BC = 30m  - Thời gian vật đi được đoạn BC là tBC = 7s  - Tốc độ vật đi được trên đoạn BC là vBC = BC/tBC = 30 : 7  4,29 (m/s).  - Khoảng thời gian vật đứng yên là đoạn AB (từ giây thứ 5 đến giây thứ 8) | \* HS khuyết tật hoạt động cùng các bạn |

**2.3. Tìm hiểu về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông**

**a. Mục tiêu**

- Sưu tầm được tài liệu để tham gia thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.

- Nêu được để đảm bảo an toàn thì người tham gia giao thông vừa phải có ý thức tôn trọng các quy định về an toàn giao thông vừa phải có hiểu biết về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**b. Nội dung:**HS sưu tầm tài liệu để tham gia thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**c.Sản phẩm:** Video, tranh ảnh liên quan đến ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.

Các câu trả lời của HS trong việc trình bày, thảo luận.

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** | **Dự kiến SP cho HS khuyết tật** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV yêu cầu các nhóm trình bày các sản phẩm đã được GV giao về nhà trong tiết học trước. Sưu tầm các tư liệu “Tìm hiểu ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông”.  - GV cho HS xem video về một số vụ tai nạn giao thông điển hình do vi phạm những quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn trong giao thông để giới thiệu và tuyên truyền cho HS.  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi: Sau khi xem xong đoạn video trên nguyên nhân chủ yếu gây tai nạn giao thông là gì?  - GV thông báo thông tin của WHO về mối quan hệ giữa tốc độ và số tai nạn giao thông.  - GV chiếu Bảng 8.1 và H8.4 yêu cầu HS thảo luận nhóm làm rõ ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông và đề xuất biện pháp đảm bảo an toàn giao thông.  - GV yêu cầu HS đọc SGK và thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: Hãy phân tích những tác hại có thể xảy ra khi các xe tham gia giao thông không tuân theo những quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn.  - GV chiếu H8.5 và yêu cầu HS nêu ý nghĩa của các con số trên H8.5.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS các nhóm trình bày các sản phẩm đã được giao..  - HS chú ý theo dõi, quan sát video.  - HS thảo luận nhóm và trình bày nguyên nhân chủ yếu gây tai nạn giao thông.  - HS quan sát Bảng 8.1 và H8.4 thảo luận nhóm làm rõ ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông và đề xuất biện pháp đảm bảo an toàn giao thông.  - HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi: Hãy phân tích những tác hại có thể xảy ra khi các xe tham gia giao thông không tuân theo những quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn.  - HS quan sát H8.5 và nêu ý nghĩa của các con số trên H8.5.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV gọi ngẫu nhiên 1 nhóm trình bày các nhóm còn lại theo dõi và nhận xét bổ sung (nếu có).  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét và chốt nội dung về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.* | **III. Tốc độ và an toàn giao thông**  Để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông, người lái xe phải điều khiển tốc độ của xe không vượt quá tốc độ tối đa cho phép và giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe. | \* HS khuyết tật hoạt động cùng các bạn |

**3. Hoạt động 3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu**

- Hệ thống hóa lại kiến thức của toàn bài

- Sử dụng kiến thức đã học để luyện tập các bài tập liên quan đến đồ thị quãng đường – thời gian

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**b. Nội dung**

*-* HS chơi trò chơi “Vòng quay may mắn” để củng cố kiến thức.

- HS hoàn thành phiếu bài tập luyện tập theo nhóm đôi

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** | **Dự kiến SP cho HS khuyết tật** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Vòng quay may mắn” để củng cố kiến thức.  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân: Hoàn thành phiếu bài tập luyện tập.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS tham gia chơi trò chơi.  HS hoạt động cá nhân hoàn thiện phiếu bài tập luyện tập được phát.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV gọi ngẫu nhiên 4 HS lên bảng trình bày 4 bài trong phiếu, các bạn còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có).  GV yêu cầu học sinh cùng bàn đổi phiếu để chấm điểm.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh nhận xét, bổ sung.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.* | 1 – C  2 – B  3 – D  4 – A  5 – C  6 – B | \* HS khuyết tật hoạt động cùng các bạn |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số câu hỏi trong thực tế.

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**b. Nội dung**

- NV1: HS hoạt động nhóm hoàn thành phiếu bài tập vận dụng.

- NV2: Vẽ tranh tuyên truyền về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**c.Sản phẩm**

- Trả lời câu hỏi trong PHT.

- Tranh vẽ an toàn trong an toàn giao thông.

*HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** | **Dự kiến SP cho HS khuyết tật** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - NV1: GV yêu cầu HS hoạt động nhóm (theo nhóm đã chia ban đầu) thảo luận, hoàn thành phiếu bài tập vận dụng.  - NV2: GV yêu cầu HS vẽ tranh tuyên truyền về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông theo nhóm (thực hiện ở nhà, trưng bày sản phẩm ở lớp vào tiết học sau, chấm điểm, bình chọn sản phẩm tốt nhất).  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS hoạt động nhóm hoàn thành phiếu bài tập theo yêu cầu của GV, GV theo dõi, hỗ trợ khi cần thiết.  - HS hoàn thành tranh tuyên truyền (ở nhà).  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - NV1: GV yêu cầu các nhóm trả lời câu hỏi trong phiếu bài tập vận dụng, các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - NV2: Các nhóm trưng bày và thuyết trình về sản phẩm nhóm, các nhóm khác nhận xét.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.*  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Các nhóm đánh giá đồng đẳng theo bảng tiêu chí được cấp.  - GV nhận xét, đánh giá theo bảng tiêu chí; khen thưởng các nhóm hoạt động tốt.  *HSKT hòa nhập: hoạt động cùng các bạn.* | 1.    Trên đường cao tốc:  - Ngày thời tiết bình thường: tốc độ tối đa là 120 km/h.  - Ngày có mưa: tốc độ tối đa là 100km/h.  Vì vào ngày trời mưa, đường trơn trượt, bánh xe khó bám trên mặt đường dẫn tới người điều khiển phương tiện giao thông dễ bị mất kiểm soát khi đi với tốc độ cao.  2. Những tác hại có thể xảy ra khi các phương tiện giao thông không tuân thủ những quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn:  - Xảy ra va chạm, tai nạn giao thông, gây thiệt hại về người và của.  - Để lại những mất mát to lớn sau tai nạn: mất người thân, người còn sống mang trên mình bệnh tật suốt đời,…  - Tạo ra gánh nặng kinh tế cho gia đình người gây tai nạn khi phải đền bù thiệt hại, tổn thất về tài sản và tinh thần cho gia đình người bị hại.  3. Tốc độ của ô tô là:   => Tốc độ của ô tô vượt quá giới hạn cho phép quy định trên làn đường (60 km/h). | \* HS khuyết tật hoạt động cùng các bạn |

**\* Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn tập kiến thức đã học.

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.

- Nghiên cứu trước bài sau: **Bài 8. Đồ thị quãng đường- thời gian.**

**PHỤ LỤC**

**1. Phiếu học tập KWL**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP KWL**  Bảng sau ghi thời gian và quãng đường chuyển động của một người đi xe đạp trên một đường thẳng.   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thời gian (h) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | Quãng đường (km) | 15 | 30 | 45 | 45 | 45 |   Mô tả chuyển động của người đi xe đạp | |
| K |  |
| W |  |
| L |  |

**2. Câu hỏi trò chơi “Vòng quay may mắn”**

**Câu 1:** Muốn xác định tốc độ chuyển động của một vật, ta phải biết

A. quãng đường vật đi được và hướng chuyển động của vật.

B. quãng đường vật đi được và thời điểm vật xuất phát.

C. quãng đường vật đi được và thời gian vật đi hết quãng đường đó.

D. thời điểm vật xuất phát và hướng chuyển động của vật.

**Câu 2:** Một đoàn tàu đi hết quãng đường 770 km từ ga A đến ga B trong thời gian 14 giờ. Tốc độ chuyển động của đoàn tàu này là

A. 40 km/h.

B. 55 km/h.

C. 60 km/h.

D. 75 km/h.

**Câu 3:** Khi khai thác quãng đường – thời gian ta sẽ biết

A. thời gian chuyển động của vật.

B. tốc độ chuyển động của vật.

C. tốc độ chuyển động của vật và quãng đường vật đi được.

D. thời gian, tốc độ chuyển động của vật và quãng đường vật đi được.

**Câu 4:** Cảnh sát giao thông thường sử dụng thiết bị gì để xác định tốc độ của các phương tiện đang lưu thông trên đường?

A. Thiết bị “bắn tốc độ”.

B. Đồng hồ bấm giây.

C. Cổng quang điện.

D. Thiết bị cảm biến chuyển động.

**Câu 5:** Đối với các phương tiện đang tham gia giao thông trên đường, nội dung nào sau đây không đảm bảo an toàn giao thông?

A. Giảm tốc độ khi đi trời mưa.

B. Luôn giữ khoảng cách an toàn với các phương tiện phía trước.

C. Tăng tốc độ khi trời khô ráo.

D. Tuân thủ đúng giới hạn về tốc độ.

**Câu 6:** Biết tốc độ lưu hành của hai ô tô là , khoảng cách an toàn tối thiểu giữa hai ô tô trên đường khô ráo là

A. 35 m.

B. 55 m.

C. 65 m.

D. 70 m.

**3. Phiếu bài tập luyện tập**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BÀI TẬP LUYỆN TẬP**  Họ và tên:……………………………………………… Lớp:………………  **Dạng 1: Vẽ đồ thị quãng đường – thời gian**  **Bài tập 1:** Vẽ đồ thị quãng đường – thời gian của một vật chuyển động được cho trong bảng sau:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thời gian (h) | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | Quãng đường (km) | 0 | 60 | 120 | 180 | 180 | 220 |   **Bài tập 2:** Một con rái cá bơi trên một dòng sông được quãng đường 100 m trong 40 s, sau đó nó thả mình trôi theo dòng nước 50 m trong 40 s.  a. Tính tốc độ bơi của rái cá trong 40 s đầu và tốc độ của dòng nước.  b. Vẽ đồ thị quãng đường − thời gian của rái cá.  **Dạng 2: Tìm quãng đường, thời gian, tốc độ dựa vào đồ thị quãng đường – thời gian**  **Bài tập 3:** Hình bên biểu diễn đồ thị quãng đường − thời gian của một xe buýt xuất phát từ trạm A, chạy theo tuyến cố định đến trạm B, cách A 80 km.  a. Xác định quãng đường đi được của xe buýt sau 1 h kể từ lúc xuất phát.  b. Sau bao lâu kể từ lúc xuất phát xe buýt đi đến trạm B?  c. Từ đồ thị, hãy xác định tốc độ của xe buýt.    **Bài tập 4:** Hình bên biểu diễn đồ thị quãng đường − thời gian của ba học sinh A, B và C đi xe đạp trong công viên.  a. Từ đồ thị, không cần tính tốc độ, hãy cho biết học sinh nào đạp xe chậm hơn cả. Giải thích.  b. Tính tốc độ của mỗi xe. |

**Phiếu bài tập vận dụng**

|  |
| --- |
| **BÀI TẬP VẬN DỤNG**  Nhóm:……………………………………………………..Lớp:…………………  1. Giải thích ý nghĩa của biển báo chỉ dẫn dưới. Cho biết lý do tại sao có sự khác biệt về tốc độ trong biển báo.    2. Phân tích những tác hại có thể xảy ra khi các phương tiện giao thông không tuân theo những quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn.  3. Thời gian 1 ô tô chạy qua giữa 2 vạch mốc cách nhau 10m là 0,56s. Nếu tốc độ giới hạn trên làn đường quy định là 60km/h thì ô tô này có vượt quá tốc độ cho phép không? |

**5. Phiếu đánh giá sản phẩm hoạt động 4. Vận dụng**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | | **Điểm tối đa** | **N1** | **N2** | **N3** | **N4** | **N5** | **N6** |
| 1 | Sản phẩm | Tranh vẽ về chủ đề ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông | 20 |  |  |  |  |  |  |
| Trình bày được ảnh hưởng của tốc độ đến ATGT | 20 |  |  |  |  |  |  |
| Sản phẩm sáng tạo | 10 |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thuyết trình | Trình bày ngắn gọn, rõ ràng, logic, sinh động | 20 |  |  |  |  |  |  |
| Phong thái tự tin | 20 |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Phản biện | Trả lời chính xác các câu hỏi | 10 |  |  |  |  |  |  |
| Tổng | | | 100 |  |  |  |  |  |  |